

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BA ĐÌNH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HSST

Ngày: 26/02/2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Cẩm Hà**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thụy**

**Bà Đỗ Thị Sỹ Long**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Ba Đình - thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 234/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

1. **Trần Văn T**, sinh năm 1992; ĐKNKTT: Thôn TB, xã NH, huyện TH, tỉnh TB. Nơi ở: Không cố định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Họ và tên bố: Trần Văn T; Họ và tên mẹ: Phạm Thị Nhường; Họ và tên vợ: Trần Thị L; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày: 03/11/2023; Có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Văn H**, Sinh năm 1992; Nơi ĐKNKTT: Thôn VN, xã NH, huyện TH, tỉnh TB. Nơi ở: Không cố định; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Họ và tên bố: Trần Văn A; Họ và tên mẹ: Vũ Thị C; Họ và tên vợ: Trần Thị Y; Tiền án, tiền sự: Bản án số 72 ngày 28/08/2023, Tòa án nhân dân huyện TH xử phạt 12 tháng tù giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". (Phạm tội ngày 01/06/2023). Bị cáo bị bắt ngày 01/6/2023 (trong vụ án trước); Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại:** Anh Trần Văn H2, sinh năm 1979; Trú tại: XX, khu phường PP, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Vũ Huy H11, sinh năm 1976; Trú tại: QH, quận GG, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Văn T và Trần Văn H có mối quan hệ

quen biết và sinh sống ở cùng xã NH, huyện TH, tỉnh TB. T và H đều làm lao động tự do tại Hà Nội.

Ngày 19/5/2023, T đến xưởng sản xuất biển quảng cáo tại địa chỉ số 53 ngách 6/100 PP, phường PP, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội của anh Trần Văn H2 (Sinh năm: 1979; Trú tại: XX, khu phường PP, Ba Đình, Hà Nội) để làm việc. Ngày 22/5/2023, H gọi điện nói chuyện và rủ T đi sử dụng ma túy. Do không có tiền nên H nảy sinh ý định rủ T trộm cắp tài sản nơi T làm việc, đem đi bán lấy tiền mua ma túy và sử dụng tiêu sài cá nhân. Sau khi thống nhất, T quan sát xung quanh căn phòng thì thấy có 01 cây máy tính để bàn và 01 laptop nhãn hiệu DELL, 01 xe máy BKS 98H8 - 7715, các bộ giàn giáo không có người trông giữ. Lúc này, H đang ngồi uống nước cùng H3 và H4 (Không rõ nhân thân, đều là bạn quen biết xã hội), H rủ H3 và H4 cùng tham gia trộm cắp tài sản. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe máy cùng H3 và H4 đến nơi làm việc của T. Sau đó, 04 đối tượng cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. H lấy 01 cây máy tính để bàn và 01 laptop mang ra xe máy của H, Hiệu dặt chiếc xe máy BKS 98H8 - 7715 ra đầu ngõ. Hiệu điều khiển xe máy quay lại để cùng T cho các bộ giàn giáo lên xe nhưng không vừa. H, H3 và H4 đi thuê xe ba bánh. Một lúc sau, ba đối tượng thuê được lái xe ba bánh là anh Lê Văn D (SN: 1976; Nơi cư trú: Số YYY TC, phường CN, BBB, Hà Nội). Sau đó, bốn đối tượng chuyển 04 bộ giàn giáo loại nhỏ và 02 bộ giàn giáo loại to lên xe ba bánh. H đèo T đi cùng xe ba bánh đến cửa hàng phế liệu số QH của anh Vũ Huy H1 (Sinh năm: 1976) bán số giàn giáo được 576.000 đồng. Sau đó, H và T đến khu vực trường Đại học Bách Khoa (không rõ địa chỉ) bán 01 máy tính để bàn và 01 laptop được 200.000 đồng. H đèo T về khu vực Lĩnh Nam để chờ H3 và H4 mang xe máy trộm cắp được của anh H2 đi bán. H, H3, H4 đi tìm hàng để bán xe máy còn T ngồi ở quán nước chờ. Đi được một đoạn, H quay về nhà trọ lấy đồ về quê còn H3, H4 tự đem chiếc xe máy đi bán. H quay lại đón T ở quán nước. Sau khi H3 và H4 bán chiếc xe máy, 04 đối tượng di chuyển ra bờ hồ gần đây để chia số tiền vừa bán từ số tài sản trộm cắp được. T nằm ngủ trên ghế đá, H bảo H4 sau khi T dậy thì đưa cho T 200.000 đồng, rồi H bỏ về quê trước. T sau khi dậy nhận tiền từ H4 thì bỏ trốn vào Thành phố Hồ Chí Minh, không rõ H3 và H4 đi đâu.

Bản kết luận định giá tài sản số 90 ngày 27/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Ba Đình kết luận:

- 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu DELL (đã qua sử dụng) có trị giá là 3.000.000 đồng (tài sản không thu hồi được).
- 01 cây máy tính (không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng) có trị giá là 3.000.000 đồng (tài sản không thu hồi được).
- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, mang BKS: 98H8-7715, số khung: 452951, số máy: 0452971 (đã qua sử dụng) có trị giá là 4.000.000 đồng (tài sản không thu hồi được).

- 04 bộ giàn giáo dùng trong xây dựng loại nhỏ (đã qua sử dụng) có trị giá là 1.600.000 đồng; 02 bộ giàn giáo dùng trong xây dựng loại to (đã qua sử dụng) có trị giá là 1.000.000 đồng (tài sản thu hồi được).

Tổng trị giá tài sản là: 12.600.000 đồng.

Ngày 01/06/2023, Trần Văn H bị Công an huyện TH bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Trần Văn T bị Công an phường Bình Hưng Hòa A đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T và Trần Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của T và H phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ.

Đối với việc anh Vũ Huy H1 mua số giàn giáo từ các đối tượng, anh H không biết đây là số tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý đối với anh H.

Đối với hai đối tượng H3 và H4, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên đã ra quyết định tách vụ án hình sự liên quan đến hành vi của H3 và H4 để điều tra, xử lý sau.

Về phần dân sự: Anh Trần Văn H2 đã nhận lại tài sản là 06 bộ giàn giáo các bị cáo chiếm đoạt, không có yêu cầu đề nghị bồi thường đối với những tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được. Người liên quan là anh Vũ Huy H1 không đề nghị bồi thường đối với số tiền 576.000 đồng bỏ ra để mua số giàn giáo trên.

Cáo trạng số 231/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Văn T, Trần Văn H nhận tội và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng đã truy tố; Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra, Các bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn T, Trần Văn H giống bản cáo trạng số 231/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Trần Văn T, Trần Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 38 (Đối với Trần Văn T); Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 38: Điều 56 (Đối với Trần Văn H); Điều 47 Điều 48 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H mức án tù 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt bản án số 72 ngày 28/08/2023, Tòa án nhân dân huyện TH, TB xử phạt bị cáo Trần Văn H 12 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2023. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 tháng tù đến 27 tháng tù.

Về phần dân sự:

Người bị hại là anh Trần Văn H2 có đơn đề nghị Tòa án yêu cầu bị cáo Trần Văn T và đồng phạm bồi thường số tiền 10.000.000 đồng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh H2 (tài sản chưa thu hồi được để trả lại) nên buộc bị cáo Trần Văn T, bị cáo Trần Văn H phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Chia kỷ phần bồi thường dân sự, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Văn H mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn H2 số tiền 5.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Văn T, bị cáo Trần Văn H truy nộp số tiền hưởng lợi bất chính 576.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Chia kỷ phần mỗi bị cáo phải truy nộp số tiền hưởng lợi bất chính là 288.000 đồng.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, bị cáo Trần Văn T, Trần Văn H đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, mong sớm trở về với xã hội. Đại diện Viện kiểm sát tranh luận vẫn giữ quan điểm truy tố, lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và người làm chứng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Ba Đình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/05/2023, tại địa chỉ số 53 ngách 6/100 PP, phường PP, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Trần Văn T và Trần Văn H đã có hành vi trộm cắp 01 cây máy tình để bàn, 01 laptop,

06 bộ giàn giáo và 01 xe máy Honda Wave, mang BKS: 98H8-7715, với tổng trị giá 12.600.000 đồng của anh Trần Văn H2; Xét, hành vi của các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn H đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Tội danh và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự

[3]. Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Văn T, Trần Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an của xã hội. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, trộm cắp tài sản để bán lấy tiền sử dụng ma túy nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Phân hóa vai trò của các bị cáo trong vụ án để có cơ sở hóa hình phạt, bị cáo Trần Văn H là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc trộm cắp tài sản, bị cáo Trần Văn T là người giúp sức thực hiện hành vi trộm cắp.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị các bị cáo khai báo thành khẩn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự

[7]. Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục và mang tính răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo Trần Văn H phải chịu mức hình phạt tù cao hơn bị cáo Trần Văn T; Bị cáo Trần Văn H phải chịu hình phạt tổng hợp của bản án số 72 ngày 28/08/2023, Tòa án nhân dân huyện TH xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2023 (Phạm tội ngày 01/06/2023).

[8]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên thấy cần miễn hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[9]. Về phần dân sự:

Người bị hại là anh Trần Văn H2 có đơn đề nghị Tòa án yêu cầu bị cáo Trần Văn T và đồng phạm bồi thường số tiền 10.000.000 đồng trị giá tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của anh và chưa thu hồi, trả lại cho anh Hoàn gồm: 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu DELL, 01 cây máy tính (không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng), 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, mang BKS: 98H8-7715, số khung: 452951, số máy: 0452971 (đã qua sử dụng). Xét, yêu cầu của anh

Trần Văn H2 là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật nên buộc bị cáo Trần Văn T, bị cáo Trần Văn H phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho anh Trần Văn H2. Chia kỷ phần bồi thường dân sự cho anh Trần Văn H2 số tiền 5.000.000 đồng. Dành quyền khởi kiện cho các bị cáo với số tiền các bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn H2 bằng một vụ kiện dân sự khác khi cơ quan điều tra bắt được H3 và H4.

Đối với số tiền 576.000 bị cáo Trần Văn H, bị cáo Trần Văn T được hưởng lợi bất chính từ việc bán 06 bộ giàn giáo cho anh Vũ Huy H1. Số giàn giáo đã được Cơ quan công an thu hồi và trả lại đầy đủ cho anh Trần Văn H2, anh H2 đã nhận lại và không có yêu cầu gì về phần dân sự, anh Vũ Huy H1 không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 576.000 đồng nhưng buộc các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn H phải truy nộp số tiền 576.000 đồng hưởng lợi bất để sung quỹ Nhà nước. Chia kỷ phần mỗi bị cáo phải truy nộp số tiền hưởng lợi bất chính là 288.000 đồng để sung quỹ Nhà nước

[9]. Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 38 (Đối với bị cáo Trần Văn T); Căn cứ khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 56 (Đối với bị cáo Trần Văn H); Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 587 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử phạt: Trần Văn T 18 (mười tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù được tính từ ngày 03/11/2023.

Xử phạt: Trần Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 72 ngày 28/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TB xử phạt Trần Văn H 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính ngày 01/6/2023. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2023.

Bị cáo Trần Văn T truy nộp số tiền 288.000 đồng, bị cáo Trần Văn H truy nộp số tiền 288.000 đồng, hưởng lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho anh Trần Văn H2 số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo Trần Văn H phải bồi thường cho anh Trần Văn H2 số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*NOI NHẬN:*

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Ba Đình;
- Công an quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Cẩm Hà**